

TỜ TRÌNH

**V/v: chính sách chi trả thù lao phát triển mới
thuê bao dịch vụ Fiber VNN, MyTV và dịch vụ di động**

Kính trình: Trưởng Đại diện địa bàn VNPT.TPHCM

Ý kiến chỉ đạo của Trưởng Đại diện địa bàn VNPT.TPHCM

Nguyễn Văn Hồ

Căn cứ văn bản số 2519/VNPT-TCNL ngày 16/05/2022 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam về việc quy định cơ chế tiền lương, tiền thưởng năm 2022 khối Viễn thông TTP và các văn bản quy định liên quan khác (nếu có);

Căn cứ văn bản số 5030/VNPT-TCNL-KHĐT-KTTC ngày 24/08/2022 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam về việc hướng dẫn quyết toán tiền lương, tiền thưởng năm 2022 và các văn bản quy định liên quan khác (nếu có);

Căn cứ văn bản số 1459/VNPT-TCNL ngày 15/03/2023 của của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam về việc đẩy mạnh kênh Nhân viên Kỹ thuật tham gia tiếp thị bán hàng dịch vụ di động;

Căn cứ văn bản số 695/VNPT-KHĐT ngày 21/02/2022 của của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam về việc đẩy mạnh kênh Nhân viên Kỹ thuật tham gia tiếp thị bán hàng dịch vụ BRCĐ, MyTV;

Căn cứ tờ trình số 48/TTr-NS-ĐH ngày 28/02/2023 của Phòng Nhân sự và Phòng Điều hành - Trung tâm Kinh doanh về việc điều chỉnh một số nội dung ghi nhận doanh thu tính lương tại Trung tâm Kinh doanh VNPT TPHCM;

Theo quy định cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Tập đoàn, doanh thu Viễn thông tỉnh, thành phố nhận được từ hoạt động nhân viên kỹ thuật tiếp thị phát triển thuê bao do Trung tâm Kinh doanh chi trả được xác định 100% vào chi phí nhân công của VNPT TPP và trả 100% cho cho nhân viên kỹ thuật tiếp thị phát triển thuê bao. Mức trả bằng đơn giá TTKD xác nhận và thanh toán với VNPT TTP.

Vì vậy, để thực hiện đúng theo quy định của Tập đoàn, đảm bảo tốt công tác đồng bộ trong địa bàn, thống nhất cùng một cơ chế thù lao, điều kiện chi trả, thời gian chi trả mà Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh đang áp dụng cho đại lý phát triển thuê bao, khen thưởng kịp thời cho nhân viên trong công tác hợp lực địa bàn phát triển dịch vụ FiberVNN và MyTV và dịch vụ di động đạt hiệu quả, sau khi bàn bạc trao đổi và thống nhất với Trung tâm Kinh doanh, Phòng Nhân sự phối hợp Phòng Kế toán - Kế hoạch kính trình Trưởng đại diện VNPT TPHCM phê duyệt một số nội dung liên quan việc chi thù lao phát triển mới dịch vụ FiberVNN, MyTV và di động đối với người lao động tại Viễn thông Thành phố áp dụng theo cơ chế hiện hành của Trung tâm Kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng chi trả thù lao:

- Nhân viên kỹ thuật Viễn thông (bao gồm Cộng tác viên) tham gia tiếp thị bán hàng dịch vụ FiberVNN, MyTV và dịch vụ di động tại các Trung tâm Viễn thông.
- Tất cả CB.CNV của Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phát triển dịch vụ FiberVNN, MyTV và di động.

2. Nguyên tắc chi trả thù lao:

Áp dụng theo quy định tại phương án trả lương hiện hành của TTKD

Thù lao chi trả = doanh thu PTM x HS dịch vụ x HS khuyến khích x đơn giá

Trong đó:

a. Quy định hệ số dịch vụ:

STT	Tên dịch vụ	Ghi nhận doanh thu phát triển mới	Hệ số dịch vụ
1	Fiber (kể cả Fiber ngoài tỉnh); MegaVNN; Data GD-VP	Doanh thu gói trả hàng tháng (tính tròn tháng)	1.0
2	SCTV, HTVC Fiber VNN	Doanh thu gói trả hàng tháng (tính tròn tháng)	1.0
3	MyTV	Doanh thu gói trả hàng tháng (tính tròn tháng) đối với MyTV không tham gia gói tích hợp	1.1
4	VNP trả sau	Doanh thu gói trả hàng tháng (tính tròn tháng)	1.0
5		Không tham gia gói: tính bằng 60.000 đồng	1.0

Tạm thời áp dụng chi thù lao đối với các dịch vụ nêu trên, trường hợp phát sinh các dịch vụ liên quan khác (nếu có) sẽ áp dụng theo quy định tại phụ lục ghi nhận doanh thu tính lương tại tờ trình số 48/TTr-NS-ĐH ngày 28/02/2023 của Trung tâm Kinh doanh.

(đính kèm phụ lục các quy định ghi nhận doanh thu tính lương của TTKD)

b. Quy định hệ số khuyến khích:

✚ Đối với các dịch vụ trả sau (bao gồm VNP trả sau có thanh toán cước trả trước)

STT	Gói trả trước	Hệ số khuyến khích
1.	Trả trước dưới 6 tháng	1.00
2.	Trả trước từ 6 tháng đến dưới 12 tháng	1.10
3.	Trả trước từ 12 tháng đến 16 tháng	1.15
4.	Trả trước từ 17 tháng trở lên	1.20

Ghi chú: Hệ số khuyến khích trả trước áp dụng cho các dịch vụ trả sau trả cước hàng tháng tham gia trả cước trước và doanh thu tính lương đơn giá qui định là doanh thu gói tháng.

✚ Trường hợp gia hạn thành công thuê bao VNP trả sau hiện hữu đang đóng cước trước trong các chương trình do TTKD triển khai thì nhân viên tác động gia hạn được ghi nhận doanh thu phát triển mới theo **Hệ số dịch vụ = 0.8** (doanh thu tính = DT gói trả trước sau thuế và sau chiết khấu/ số tháng trả trước) và Hệ số khuyến khích trả trước (không ghi nhận các trường hợp chuyển admin KTNV hỗ trợ tác động gia hạn).

✚ Đối với các dịch vụ còn lại: hệ số khuyến khích = 1.0

c. Quy định đơn giá tiền lương (ĐG/1000 đồng doanh thu quy đổi):

STT	Loại	Đơn giá (ĐG)	Ghi chú
1.	Đơn giá toàn trình	858 đồng	Từ khâu tiếp thị tư vấn, chốt sale, ra PCT, hoàn tất và thu hồ sơ chuyển bộ phận scan lưu
2.	Tiếp thị, tư vấn chốt sale	686 đồng (80% ĐG toàn trình)	Đơn giá công đoạn được tính khi phát triển thuê bao mới thành công, hoàn tất hồ sơ và thu được tiền.
3.	Tư vấn chốt sale hoặc tiếp thị và khách hàng chốt đăng ký dịch vụ trên VNPT.shop hoặc tiếp nhận và chốt đơn với khách qua VNPT.shop	429 đồng (50% ĐG toàn trình)	
4.	Giới thiệu /tiếp thị khách hàng	258 đồng (30% ĐG toàn trình)	
5.	Đơn giá thu hồ sơ gốc	15.000 đ/hồ sơ (Được trừ vào tiền lương đơn giá)	

3. Điều kiện chi trả:

- Chỉ áp dụng cho thuê bao phát triển mới.
- Phải có đầy đủ hồ sơ gốc tại thời điểm xét tính thù lao.
- Thuê bao phải hoạt động liên tục trong 3 tháng đầu kể từ tháng hòa mạng, không phát sinh bất kỳ tạm ngưng nào trong thời gian này.
- Trong trường hợp thuê bao tạm ngưng do nợ cước, nếu khách hàng đóng tiền để sử dụng dịch vụ sau khi bị tạm ngưng trong vòng 1 tuần, thuê bao này sẽ được xét để tính thù lao.
- Tại thời điểm xét chi thù lao đợt 2 vào tháng thứ 4, nếu vi phạm các điều kiện trên, thực hiện hoàn chi lại số tiền đã chi đợt 1.

4. Thời gian chi trả:

a. Đối với thuê bao trả sau: chi làm 2 đợt

- Thù lao được chi trả làm hai đợt (đợt 1, tỷ lệ **70%**, đợt 2 tỷ lệ **30%**): đợt 01 vào tháng hòa mạng và đợt 02 vào tháng thứ 4 kể từ tháng hòa mạng sau khi thuê bao hoàn tất việc thanh toán cước sử dụng của 3 tháng đầu.
- Trong trường hợp tại thời điểm xét chi thù lao đợt 02 vào tháng thứ 4, nếu thuê bao chưa thanh toán cước tháng thứ 3 kể từ tháng hòa mạng, sẽ xét chi thù lao bổ sung vào tháng thứ 5 kể từ tháng hòa mạng sau khi thuê bao hoàn tất việc thanh toán cước sử dụng của 3 tháng đầu.

b. Đối với thuê bao trả trước: chi 1 đợt

- Chi 1 lần vào đầu tháng sau đối với thuê bao tham gia trả trước (trước ngày 05 của tháng sau tháng hoà mạng).
- Thực hiện hoàn chi trong trường hợp khách hàng không thanh toán cước sử dụng trong 3 tháng đầu hoặc tạm ngưng sử dụng dịch vụ (không phát sinh cước) vì bất cứ lý do gì.

5. Thời gian áp dụng: từ tháng 01/2023.

6. Nguồn chi:

- Đối với lao động chính thức: tạm chi từ nguồn QTL KK tập trung của VTTP, sau đó quyết toán với TTKD hàng quý để hoàn trả nguồn về VTTP.
- Đối với lao động thuê ngoài: từ nguồn chi phí SXKD của VTTP, sau đó quyết toán với TTKD hàng quý để hoàn trả nguồn về VTTP.

7. Tổ chức thực hiện:

7.1 Đối với Trung tâm Kinh doanh:

- Hàng tháng, tính thù lao cho Nhân viên Viễn thông (bao gồm CTV) theo đơn giá quy định tại phương án trả lương của TTKD, đồng thời chuyển văn bản xác nhận số liệu phát triển mới thuê bao FiberVNN, MyTV, di động do Viễn thông thành phố thực hiện (kèm file mềm số thuê bao phát triển mới), ký Biên bản xác nhận với Viễn thông TP làm cơ sở để 2 bên ghi nhận doanh thu/ chi phí theo quy định của Tập đoàn.
- Đối với các thuê bao không đủ điều kiện chi trả thù lao, đề nghị có thuyết minh để Viễn thông Thành phố tiếp tục rà soát và bổ sung kịp thời.

- Đối với các thuê bao đã rà soát, bổ sung đủ điều kiện, đề nghị xác nhận vào đợt tiếp theo để đảm bảo việc chi trả thù lao được đầy đủ.

7.2 Đối với Viễn thông Thành phố:

a. Phòng Nhân sự:

- Thông báo nguyên tắc chi trả thù lao phối hợp phát triển thuê bao FiberVNN, MyTV và di động áp dụng theo quy định trả lương hiện hành của Trung tâm Kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc;

- Hàng tháng, thực hiện xác nhận số liệu phát triển mới thuê bao FiberVNN, MyTV và di động do Viễn thông thành phố thực hiện với TTKD (kèm file mềm số thuê bao phát triển mới), đồng thời chuyển Biên bản xác nhận về P.KTKH làm cơ sở ghi nhận doanh thu theo quy định của Tập đoàn;

- Căn cứ số liệu xác nhận thù lao phát triển FiberVNN, MyTV và di động từ TTKD, trình Lãnh đạo phê duyệt chi trả thù lao cho cá nhân kịp thời;

- Phối hợp Phòng KTKH rà soát số liệu chi phí phát triển thuê bao khi Tập đoàn quyết toán chi phí nhân công đối với Viễn thông Thành phố;

- Phối hợp đơn vị rà soát và chi khen thưởng tập trung cho người lao động.

b. Phòng Kế toán - Kế hoạch:

- Thực hiện ghi nhận doanh thu theo Biên bản đối soát nguồn thù lao chi trả cho Nhân viên Kỹ thuật viễn thông phát triển dịch vụ FiberVNN, MyTV và di động với Trung tâm Kinh doanh.

- Phối hợp Phòng Nhân sự rà soát chi phí phát triển thuê bao khi Tập đoàn quyết toán chi phí nhân công đối với Viễn thông Thành phố.

- Hướng dẫn đơn vị hạch toán theo quy định.

c. Các Trung tâm Viễn thông:

- Triển khai đến toàn bộ người lao động trong đơn vị nắm rõ việc áp dụng nguyên tắc chi trả thù lao hiện tại theo quy định của Trung tâm Kinh doanh tại cơ chế này.

- Khi nhận được thông báo chi trả thù lao phát triển FiberVNN, MyTV và di động, phối hợp Phòng Nhân sự đối soát kịp thời để Phòng Nhân sự chi trả cho người lao động.

- Phối hợp Phòng Kế toán - Kế hoạch hạch toán theo quy định.

Kính trình Trưởng đại diện địa bàn VNPT TPHCM phê duyệt để triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTKD (để p/h);
- P.KTKH VTTTP;
- Lưu VT, PNS. AT.

Số eOffice: 361115/VBĐT.

PHÒNG KT-KH
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ PHÒNG

Nguyễn Văn Dự

PHÒNG NHÂN SỰ
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ PHÒNG

Bùi Văn Tám

tambv.hcm_BuiVanTam_14:52 16/05/2023

tambv.hcm_BuiVanTam_14:52 16/05/2023

tambv.hcm_BuiVanTam_14:52 16/05/2023